

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay của các nhà tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 27/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng" giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1867/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/8/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thành lập Ban quản lý Chương trình "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng tại Việt Nam (UN-REDD) - giai đoạn II";

Căn cứ Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban quản lý Chương trình "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng" tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/7/2013 và Quyết định số 300/QĐ-BNN-HTQT ngày 25/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc gia hạn thời gian thực hiện Chương trình UN-REDD;

Căn cứ Văn bản số 52/UN-REDD-VP ngày 22/3/2016 của Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II về phê duyệt kế hoạch năm 2016 Chương trình UN-REDD tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền

vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Văn bản số 214/UNREDD-VP ngày 30/11/2016 của Ban Quản lý Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II về việc thông báo chấp thuận về mặt kỹ thuật kế hoạch năm 2016 hiệu chỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 336/TTr-SNN ngày 30/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Nội dung	theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 12/4/2016		điều chỉnh thành	
	VNĐ (triệu đồng)	tương đương USD	VNĐ (triệu đồng)	tương đương USD
Nguồn vốn ODA hỗ trợ không hoàn lại của Chương trình năm 2016	16.728,151	751.827	14.032,9415	630.694
<i>Phân theo các hợp phần sau</i>				
Năng lực vận hành Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)	333,75	15.000	0	0
Xây dựng kế hoạch và thực hiện các hành động REDD+	15.660,141	703.827	13.356,5415	600.294
Hệ thống điều tra giám sát tài nguyên rừng (NFMS) để giám sát và phục vụ MRV và hệ thống thông tin lâm nghiệp (NRIS) về chính sách đảm bảo an toàn được vận hành	445,00	20.000	222,50	10.000
Hệ thống chia sẻ lợi ích thực hiện REDD+ ở cấp quốc gia	0	0	140,1750	6.300
Các cơ chế đảm bảo chính sách an toàn về xã hội về môi trường theo thỏa thuận Cancun được xây dựng	289,25	13.000	313,725	14.100

(Chi tiết theo biểu tổng hợp đính kèm)


Điều 2. Các nội dung khác tại Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng, vẫn giữ nguyên.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Chương trình UN-REDD giai đoạn II tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo nội dung điều chỉnh tại Điều 1 quyết định này đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và của Nhà tài trợ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Chương trình UN-REDD giai đoạn II tỉnh Lâm Đồng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./- 

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BQL Chương trình UN REDD Việt Nam giai đoạn II (P041- số 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội);
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Lưu: VT, LN, TC, KH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Yên

BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHI TIẾT NĂM 2016 CHƯƠNG TRÌNH UN-REDD GIAI ĐOẠN II TỈNH LÂM ĐỒNG



Kiểm thảo Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng

Kết quả đầu ra	Hoạt động dự kiến	Kế hoạch năm 2016 (USD)	Kế hoạch hiệu chỉnh năm 2016 (USD)	Kinh phí tăng giảm so với kế hoạch (USD)	Ghi chú
Đầu ra 1.3 (FAO) Năng lực và các cơ chế thực thi pháp luật được xây dựng nhằm tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật lâm nghiệp ở các tỉnh thí điểm và cấp quốc gia (Đầu ra cũ: 1.6 Các cơ chế tăng cường thực thi pháp luật lâm nghiệp được phê duyệt và thực hiện)	1.3.13 Tập huấn/ Hội thảo/ họp về thực thi pháp luật ở các tỉnh thí điểm với các tỉnh lân cận	15.000	-	-15.000	Hiệu chỉnh cắt giảm, không đưa vào thực hiện, do nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình không đáp ứng được yêu cầu.
Tổng cộng kết quả 1		15.000	-	-15.000	Hiệu chỉnh giảm 15.000 USD
Đầu ra 2.1 (UNDP) Thẻ chế REDD+ ở 6 tỉnh thí điểm được thiết lập và REDD+ được lồng ghép vào KHBVPT	2.1.8 Chi phí vận hành PPMU (lương cán bộ, đi lại, thiết bị, dự phòng)	100.000	71.831	-28.169	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
	2.1.11 Hỗ trợ vận hành các mạng lưới REDD+ cấp tỉnh nhằm hỗ trợ triển khai PRAP và SiRAP	-	4.500	4.500	Đây là hoạt động mới, được hiệu chỉnh thêm vào kế hoạch thực hiện.
	2.1.12 Nâng cao năng lực cho các cơ quan liên quan đến triển khai PRAP theo đề xuất trong báo cáo đánh giá thẻ chế triển khai PRAP và các báo cáo liên quan khác	3.000	3.000	-	Hoạt động này, không hiệu chỉnh, giữ nguyên theo kế hoạch năm 2016 được duyệt
Cộng		103.000	79.331	23.669	Hiệu chỉnh giảm 23.669 USD
Đầu ra 2.2 (UNEP) Nhận thức về biến đổi khí hậu và REDD+ được nâng cao trong số cán bộ tỉnh, huyện và xã và các đối tác tham gia khác tại 6 tỉnh thí điểm	2.2.1 Xây dựng và sửa lại cho phù hợp các tài liệu truyền thông và nâng cao nhận thức để sử dụng cho cấp tỉnh và cấp cơ sở	18.333	17.305	-1.028	Hiệu chỉnh giảm, do thực hiện đấu thầu, giá trúng thầu của các nhà thầu giảm so với kế hoạch được duyệt.



Kết quả đầu ra	Mã hoạt động	Hoạt động dự kiến	Kế hoạch năm 2016 (USD)	Kế hoạch hiệu chỉnh năm 2016 (USD)	Kinh phí tăng giảm so với kế hoạch (USD)	Ghi chú
Đầu ra 2.2 (UNEP) Nhận thức về biến đổi khí hậu và REDD+ được nâng cao trong số cán bộ tỉnh, huyện và xã và các đối tác tham gia khác tại 6 tỉnh thí điểm	2.2.2	Triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức và đào tạo tập huấn để hỗ trợ tiến trình xây dựng và triển khai các PRAP và SiRAP	36.841	17.921	-18.920	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
	2.2.4	Nâng cao năng lực cho mạng lưới truyền thông về đào tạo giảng viên REDD+	7.500	-	-7.500	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
	2.2.5	Tổ chức các sự kiện và cuộc thi truyền thông cấp tỉnh	8.558	897	-7.661	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
Cộng			71.232	36.123	35.109	Hiệu chỉnh giảm 35.109 USD
Đầu ra 2.3 (UNDP) Các kế hoạch hành động REDD+ cấp cơ sở (SiRAP) và cấp tỉnh (PRAP) ở 6 tỉnh thí điểm được hoàn thiện và phê duyệt	2.3.8	Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và giám sát SiRAP	5.000	1.877	-3.123	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
	2.3.18	Tổ chức tham vấn và hội thảo ở cấp cơ sở	6.000	4.368	-1.632	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
Cộng			11.000	6.245	4.755	Hiệu chỉnh giảm 4.755 USD
Đầu ra 2.4 (UNDP) Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh được triển khai thực hiện	2.4.2	Triển khai các hoạt động SiRAP ưu tiên trong năm 2016 (năm thực hiện thứ 2) cho các SiRAP đã duyệt năm 2015	197.213	197.213	-	Hoạt động này, không hiệu chỉnh
	2.4.7	Hỗ trợ cán bộ thúc đẩy của PPMU	34.838	34.838	-	Hoạt động này, không hiệu chỉnh
	2.4.8	Triển khai các hoạt động SiRAP ưu tiên trong năm 2016 (năm thực hiện đầu tiên) có lồng ghép chia sẻ lợi ích.	60.000	60.000	-	Hoạt động này, không hiệu chỉnh
Cộng			292.051	292.051	-	Giữ nguyên kế hoạch năm 2016

1/1/2016

Kết quả đầu ra	Mã hoạt động	Hoạt động dự kiến	Kế hoạch năm 2016 (USD)	Kế hoạch hiệu chỉnh năm 2016 (USD)	Kinh phí tăng giảm so với kế hoạch (USD)	Ghi chú
Đầu ra 2.4 (FAO) Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh được triển khai thực hiện (bao gồm Đầu ra 2.5 Công tác giao đất giao rừng ở 6 tỉnh thí điểm được cải thiện)	2.4.1	Thực hiện các hoạt động ưu tiên cấp tỉnh trong PRAP	201.297	151.297	-50.000	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
	2.4.5	Tiếp tục hỗ trợ tiến trình QLRBV và chứng chỉ rừng cho các Công ty Lâm nghiệp bắt đầu từ năm 2015	-	10.000	10.000	Đây là hoạt động mới, được hiệu chỉnh thêm vào kế hoạch thực hiện
	2.4.11	Tiến hành giao đất giao rừng cho các hộ/cộng đồng theo PRAP và triển khai thực hiện thông qua các SiRAP	25.247	25.247	-	Hoạt động này, không hiệu chỉnh
Cộng			226.544	186.544	40.000	Hiệu chỉnh giảm 40.000 USD
Tổng cộng kết quả 2			703.827	600.294	103.533	Hiệu chỉnh giảm 103.533 USD
Đầu ra 3.2 (FAO) Hệ thống giám sát tài nguyên rừng quốc gia - Hệ thống giám sát đất đai được xây dựng	3.2.2	Triển khai ứng dụng di động FRM ở 6 tỉnh	20.000	10.000	-10.000	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
Tổng cộng kết quả 3			20.000	10.000	-10.000	Hiệu chỉnh giảm 10.000 USD
Đầu ra 4.2 (UNDP) Các cơ chế và tiêu chuẩn chia sẻ lợi ích REDD+ ở cấp quốc gia và cấp tỉnh được nghiên cứu và dự thảo	4.2.10	Tổ chức hội thảo ở cấp quốc gia và cấp tỉnh về thí điểm chia sẻ lợi ích	-	1.500	1.500	Đây là hoạt động mới, được hiệu chỉnh thêm vào kế hoạch thực hiện.
Cộng			-	1.500	1.500	Hiệu chỉnh tăng 1.500 USD
Đầu ra 4.3 (UNDP) Cơ chế giải quyết khiếu nại được thiết lập.	4.3.7	Thí điểm cơ chế giải quyết khiếu nại gắn với thí điểm chia sẻ lợi ích và các SiRAP	-	3.300	3.300	Đây là hoạt động mới, được hiệu chỉnh thêm vào kế hoạch thực hiện.

Kết quả đầu ra	Mã hoạt động	Hoạt động dự kiến	Kế hoạch năm 2016 (USD)	Kế hoạch hiệu chỉnh năm 2016 (USD)	Kinh phí tăng giảm so với kế hoạch (USD)	Ghi chú
Đầu ra 4.3 (UNDP) Cơ chế giải quyết khiếu nại được thiết lập.	4.3.8	Tổ chức các hội thảo cấp quốc gia và cấp tỉnh về thí điểm và thiết kế cơ chế giải quyết khiếu nại.	-	1.500	1.500	Đây là hoạt động mới, được hiệu chỉnh thêm vào kế hoạch thực hiện.
Cộng			-	4.800	4.800	Hiệu chỉnh tăng 4.800 USD
Tổng cộng kết quả 4			-	6.300	6.300	Hiệu chỉnh tăng 6.300 USD
Đầu ra 5.1 (UNEP) Phạm vi tiếp cận đảm bảo an toàn quốc gia được xác định và hệ thống thông tin đảm bảo an toàn được xây dựng.	5.1.10	Thực hiện nghiên cứu và tham vấn ở các tỉnh về đánh giá năng lực thể chế thực hiện chính sách, luật và quy định về hệ thống thông tin ĐBAT	3.000	-	-3.000	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
Cộng			3.000	-	-3.000	Hiệu chỉnh giảm 3.000 USD
Đầu ra 5.2 UNDP Các chính sách và biện pháp giải quyết và đảm bảo tôn trọng các chính sách an toàn về xã hội và môi trường được vận hành	5.2.1	Xác định các lỗ hổng trong thực thi pháp luật lâm nghiệp và tổ chức quản trị rừng sử dụng công cụ PGA	10.000	4.100	-5.900	Hiệu chỉnh giảm do chưa thực hiện hết
	5.2.6	Tăng cường các chính sách pháp luật và quy định và năng lực thể chế về ĐBAT xã hội	-	10.000	10.000	Đây là hoạt động mới, được hiệu chỉnh thêm vào kế hoạch thực hiện.
Cộng			10.000	14.100	4.100	Hiệu chỉnh tăng 4.100 USD
Tổng cộng kết quả 5			13.000	14.100	1.100	Hiệu chỉnh tăng 1.100 USD
Tổng cộng kế hoạch năm 2016			751.827	630.694	-121.133	Hiệu chỉnh giảm 121.133 USD

H. LAM DU